

Số: 228 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2019

## BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách pháp luật trên các lĩnh vực Văn hóa, Giáo dục,  
Thông tin – Truyền thông, Tín ngưỡng – Tôn giáo, Thể thao,  
Du lịch, Thanh niên và Trẻ em

Thực hiện Công văn số 2139/UBVHGDTTN14 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng về việc giám sát tại tỉnh Kiên Giang, UBND tỉnh Kiên Giang xin báo cáo một số nội dung chính như sau:

### I. VỀ MỘT SỐ NÉT CHUNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG, LĨNH VỰC NGÀNH PHỤ TRÁCH

**1. Khái quát chung về tình hình kinh tế xã hội; đặc thù của địa phương trên các lĩnh vực Văn hóa, Giáo dục, Thông tin – Truyền thông, Tín ngưỡng – Tôn giáo, Thể thao, Du lịch, Thanh niên và Trẻ em:**

Kiên Giang là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 6.348km<sup>2</sup>, có hơn 200 km bờ biển, 58km đường biên giới tiếp giáp vương quốc Campuchia. Kiên Giang có ngư trường rộng lớn, địa hình đa dạng, bao gồm cả đồng bằng, rừng núi và hải đảo (45/145 hòn đảo có cư dân sinh sống). Toàn tỉnh có 13 huyện, và 02 thành phố (Rạch Giá, Hà Tiên) với 145 xã, phường, thị trấn; trong đó có 06 huyện thuộc vùng sâu, 02 huyện đảo và 01 thành phố, 01 huyện biên giới. Kiên Giang có sông rạch chằng chịt, người dân cư trú phân tán dọc theo các tuyến giao thông.

Dân số trung bình hiện nay khoảng 1,8 triệu người; dưới 16 tuổi là 461.729 trẻ, chiếm gần 26% dân số; dưới 6 tuổi 173.188 trẻ; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 5.360 trẻ. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh những năm qua tiếp tục phát triển, các chính sách xã hội được quan tâm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện hơn, tác động tích cực đến công tác trẻ em. Thanh niên (từ đủ 16 đến 30 tuổi) là 302.691 người, có mặt trên địa bàn 272.255; đa số tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, có lối sống lành mạnh, ý thức vươn lên làm giàu chính đáng, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, cũng còn một bộ phận thanh niên dễ bị kích động, vướng vào các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật; tác phong công nghiệp, ý thức hợp tác cộng đồng còn hạn chế nên thất nghiệp, thiếu việc làm còn khá cao.

Kiên Giang có 145/145 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học (gồm 12 xã đạt mức độ 2, 133 xã đạt mức độ 3); đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tỷ lệ thanh thiếu niên 15-



18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) hai hệ đạt 88,58%, tăng 2,96%. Nhìn chung, trình độ dân trí của tỉnh còn thấp so với mặt bằng dân trí của cả nước.

Hệ thống trường, lớp học, trang thiết bị được đầu tư; phương pháp dạy học, kiểm tra, kiểm định đánh giá chất lượng giáo dục được đổi mới; triển khai nhân rộng mô hình trường học mới phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng đạt 48,94%. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy tiếp tục được đẩy mạnh; quản lý hồ sơ, quá trình học tập của học sinh, quản lý giáo viên, kế hoạch dạy học được thực hiện ổn định và mang lại hiệu quả cao. Công tác truyền thông về giáo dục được chú trọng, đã phối hợp với cơ quan báo chí, Trung tâm Truyền thông giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác truyền thông.

Các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, tuyên truyền cổ động phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh được tổ chức trong những năm qua đạt nhiều hiệu quả (khoảng 70 nghìn tin, bài). Ngành Du lịch Kiên Giang không ngừng nâng cao chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch, các chỉ tiêu cơ bản về lượt khách, doanh thu đều đạt, vượt kế hoạch và tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước.

Công tác thông tin, truyền thông tập trung vào các nhiệm vụ chính trị phản ánh, các sự kiện quan trọng của tỉnh trong đó bao gồm các sự kiện về công tác thanh niên, thiếu niên, nhi đồng (khoảng 70 nghìn tin, bài).

Thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ; của các Bộ, ngành Trung ương liên quan đến công tác trẻ em. Nhận thức của Nhân dân về quyền của trẻ em, vai trò của trẻ em ngày càng đầy đủ. Tuy nhiên, có nơi, từng lúc chưa được quan tâm thực hiện đồng bộ của các ngành, các cấp; bên cạnh đó, nhiều gia đình thiếu quan tâm quản lý, chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Toàn tỉnh có 10 tôn giáo đang hoạt động, sinh hoạt trong 21 tổ chức giáo hội được Nhà nước công nhận, gồm: Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo, Baha'I, Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Minh Sư đạo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tin lành, Cao Đài và 01 tổ chức Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo. Về tín đồ các tôn giáo có 590.756 người, chiếm trên 34% dân số của tỉnh; có 1.586 vị chức sắc, nhà tu hành; 3.580 vị chức việc. Có 01 tổ chức tôn giáo, 450 tổ chức tôn giáo trực thuộc, 399 cơ sở thờ tự.

Về tín ngưỡng, toàn tỉnh có 458 cơ sở tín ngưỡng, phần lớn các cơ sở tín ngưỡng hình thành từ lâu, có cơ sở được hình thành từ hàng trăm năm như: Lăng Mạc Cửu, Đình Nguyễn Trung Trực, Đình Lê Văn Duyệt, Đình Nam Thái, Dinh Cậu, Lăng Ông Nam Hải,...

**2. Việc ban hành các văn bản triển khai để cụ thể hóa các quy định, chính sách pháp luật trên địa bàn**

Từ năm 2017 đến 30/6/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có liên quan đến các lĩnh vực này để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3 (trong đó có Luật Du lịch), theo đó giao cho các sở, ngành có liên quan chủ trì soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật được luật giao để ban hành áp dụng tại địa phương. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 về công bố Danh mục VBQPPL của tỉnh hết hiệu lực và rà soát VBQPPL theo định kỳ.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT**

### **1. Về giáo dục, đào tạo**

#### **1.1. Thực trạng giáo dục và đào tạo địa phương:**

Toàn ngành có 673 đơn vị sự nghiệp, trường học; có 1.614 điểm trường, 11.483 lớp; huy động 347.091 học sinh. Hiện có 257 trường đạt chuẩn quốc gia, có 286 cơ sở giáo dục đã được kiểm tra công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Hệ thống trường lớp học, quy mô giáo dục tiếp tục phát triển ổn định, theo hướng tập trung, tăng quy mô, giảm điểm lẻ; hệ thống cơ sở giáo dục thường xuyên được quan tâm phát triển...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, dạy và học, công tác cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, việc thực hiện chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số (DTTS), học sinh và giáo viên vùng khó khăn được quan tâm. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn với giáo dục kỹ năng sống được thực hiện thường xuyên.

#### **1.2. Thuận lợi, khó khăn:**

Hệ thống văn bản hướng dẫn, kế hoạch chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương được xây dựng khá đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.

Nhận thức của đội ngũ công chức, viên chức trong việc tiếp thu, thực hiện các chính sách pháp luật từng bước được nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh đó còn nhiều khó khăn, hạn chế:

- Đặc điểm địa bàn rộng, biên giới, biển đảo, bãi ngang đi lại khó khăn, sông ngòi chằng chịt; dân cư sống rải rác, không tập trung nên việc bố trí trường lớp đảm bảo nhu cầu học tập còn phân tán, quy mô nhỏ lẻ, việc sắp xếp, sáp nhập trường, xóa điểm lẻ, đảm bảo sĩ số học sinh/lớp theo định mức quy định còn nhiều khó khăn.

- Tình trạng thiếu giáo viên (ở ngành học Mầm non) và thừa thiếu giáo viên (cấp THCS) vẫn còn diễn ra ở một số cơ sở giáo dục trong tỉnh.

### **1.3. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục, đào tạo:**

#### **1.3.1. Việc phát triển quy mô, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục:**

Năm học 2018-2019, tỉnh Kiên Giang có 673 đơn vị, trường học; có 1.614 điểm trường, 11.483 lớp; huy động 347.091 học sinh; trong đó, trẻ 05 tuổi học mẫu giáo 25.905 cháu, chiếm tỉ lệ 99,1%; số học sinh 06-14 tuổi đi học so với độ tuổi đạt 96,06%. So với năm 2015, toàn ngành tăng 22 trường (chủ yếu là MN), tăng 15.186 học sinh; giảm 302 điểm lẻ, giảm 331 lớp học; tỷ lệ trẻ nhà trẻ và trẻ học mẫu giáo độ tuổi 03 đến 04 tuổi ra lớp mới đạt 65,7%, thấp hơn kế hoạch gần 15%; tỷ lệ học sinh tiểu học học 02 buổi/ngày đạt 57,4%, thấp hơn mặt bằng chung cả nước gần 13%. Hiện nay, bình quân học sinh trên một lớp mầm non 30,13 cháu, tăng 2,39 cháu/lớp so với năm 2015; tiểu học 26,95 em, tăng 2,34 em/lớp; trung học cơ sở 35,69 em, tăng 0,68 em/lớp, tăng 1,18 em/lớp; trung học phổ thông 39,08 em, tăng 3,12 em/lớp. Từ việc tăng học sinh hàng năm, gắn với kế hoạch thực hiện chính sách tinh giản biên chế dẫn đến ngành giáo dục địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo số lượng người làm việc ở các đơn vị sự nghiệp công lập (nhất là ngành học Mầm non).

Toàn tỉnh hiện có 07 trường chuyên biệt trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; có 43.177 học sinh dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 12,68% số học sinh toàn tỉnh. Cán bộ, giáo viên người DTTS có 1.236 người, tỷ lệ 6,59%. Công tác xây dựng trường lớp được đặc biệt quan tâm, tổng số phòng học hiện có là 10.423 phòng.

#### **1.3.2. Nguồn lực đầu tư và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo:**

Cơ sở vật chất trường học các cấp được đầu tư theo đúng kế hoạch. Vốn xây dựng cơ bản năm 2019 được phân bổ cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề là 370.588 triệu đồng. Tổng kinh phí phân bổ cho sự nghiệp giáo dục năm 2019 là: 3.512.445 triệu đồng, tăng 10,96% so với dự toán năm 2018, chiếm 40,5% trên tổng chi thường xuyên của ngân sách tỉnh.

Việc huy động nguồn lực đầu tư cho giáo dục, ngoài nguồn ngân sách và công tác xã hội hóa giáo dục được thực hiện tốt. Chính sách hỗ trợ gạo, tiền cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng. Chế độ cho học sinh DTTS tại các trường phổ thông DTNT thực hiện đầy đủ theo quy định. Chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên được quan tâm triển khai thực hiện. Hàng năm, có trên 21.000 cán bộ quản lý, giáo viên các trường THPT, phổ thông DTNT và đơn vị trực thuộc được công nhận và cấp chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

#### **1.3.3. Công tác quản lý, quản trị giáo dục và đào tạo:**

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ

Giáo dục và Đào tạo, tổ chức thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột xuất của năm học<sup>1</sup>. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện tốt việc công khai các khoản thu, chi tài chính trong năm.

Tăng cường giám sát việc thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, tài chính cho các đơn vị theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Tăng quyền chủ động của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch dạy học/giáo dục gắn với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ CBQL.

#### **1.3.4. Phát triển bền vững giáo dục và đào tạo gắn với đặc thù địa phương:**

Từ năm 2016 đến nay, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đã tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 106/KH-UBND của UBND tỉnh, được 30.541 người.

Số học sinh, sinh viên tốt nghiệp GDNN từ năm 2016 đến nay là 78.159 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2019 là 64%, tỷ lệ lao động lao động có bằng và chứng chỉ là 49%.

Công tác đào tạo GDNN đã góp phần khai thác tiềm năng, lợi thế nguồn lực con người trong thu hút và kêu gọi các nhà đầu tư phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ích cực đẩy nhanh công tác giải quyết việc làm (35.000 việc làm/năm), góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5 - 2%/năm.

#### **1.3.5. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; Nghị quyết 88/2014/QH13, Nghị quyết 51/2017/QH14:**

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 05/11/2014. Kết quả, hiệu lực quản lý ngành đối với các cơ sở giáo dục được tăng cường; kỷ cương được giữ vững, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục một cách toàn diện và ổn định<sup>2</sup>. Việc thực hiện chính sách đối với học sinh DTTS, học sinh và giáo viên vùng khó khăn được quan tâm; hoạt động xã hội hóa giáo dục phát triển sâu rộng, đạt hiệu quả thiết thực. Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục và triển khai nhân rộng mô hình trường học mới (VNEN) và chương trình Công nghệ giáo dục ở cấp tiểu học đạt được những kết quả tích cực; tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông trong những năm tới.

<sup>1</sup> Nghị định 115/2010/NĐ-CP, Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân

<sup>2</sup> Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp hàng năm đều tăng, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm (dưới 1% cấp TH và dưới 3% cấp trung học), tỉ lệ học sinh khá giỏi cấp trung học đạt 56% (tăng 11% so năm học 2012-2013), tỉ lệ học sinh đạt giải ở các kỳ thi học sinh giỏi các cấp và khu vực ngày càng tăng vào hàng trên trung bình trong khu vực.

Công tác chuẩn bị cho việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới được địa phương chủ động triển khai thực hiện, thông qua việc chỉ đạo ngành chuyên môn xây dựng các đề án có liên quan để làm tiền đề cho quá trình thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới<sup>3</sup>.

### **1.3.6. Việc thực hiện kỳ thi THPT quốc gia 2019 và công tác định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS, THPT:**

Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi THPT quốc gia năm 2019 tại tỉnh, Chỉ thị về tăng cường chỉ đạo công tác tổ chức Kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2019. Kỳ thi trên địa bàn tỉnh được tổ chức an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Hội đồng thi tỉnh Kiên Giang có 25 điểm thi, 525 phòng thi, tổng số đăng ký dự thi là 12.522 thí sinh. Chương trình “Tiếp sức mùa thi” được thực hiện tích cực với sự tham gia của trên 500 tình nguyện viên, hỗ trợ cho trên 5.000 lượt thí sinh dự thi với tổng kinh phí trên 02 tỷ đồng.

Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục được quan tâm. Hàng năm, có khoảng 6,20% học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX); có 20,50% học sinh sau tốt nghiệp THPT vào học tại các trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

### **1.3.7. Việc đào tạo giáo dục nghề nghiệp:**

Tính đến tháng 6/2019, toàn tỉnh hiện có 27 cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp (có 04 trường cao đẳng, 06 trường trung cấp và trung cấp nghề, 03 trung tâm dạy nghề thuộc các tổ chức đoàn thể và doanh nghiệp quản lý, 10 trung tâm GDNN-GDTX và 05 cơ sở đào tạo khác); thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định và đạt được nhiều kết quả tích cực. Giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 6/2019 các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tổ chức đào tạo cho 88.612 người.

---

<sup>3</sup> Đề án “Phát triển và đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020” được phê duyệt theo Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang;

Đề án “Nâng cao chất lượng thể dục, thể thao trong trường học trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020”, được phê duyệt theo quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang;

Đề án Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020, được phê duyệt theo quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang;

Đề án “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo giai đoạn 2016-2020” được phê duyệt theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang;

Đề án “Dạy học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020”, được phê duyệt theo quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 và được điều chỉnh bằng Kế hoạch số 207/KH-SGDĐT ngày 22/02/2018 về việc triển khai thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang” được phê duyệt theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 30/3/2018.

Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2028” được phê duyệt theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.



Theo số liệu điều tra lần vết của các cơ sở GDNN, số lao động sau tốt nghiệp có việc làm trình độ cao đẳng đạt 90%, trình độ trung cấp đạt 87%, cá biệt có một số ngành, nghề học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt 100%, nhiều doanh nghiệp đã trực tiếp đến cơ sở GDNN tuyển dụng lao động tại buổi lễ tốt nghiệp; riêng đào tạo nghề cho LĐNT đạt 84% tỷ lệ có việc làm mới hoặc việc làm cũ nhưng thu nhập cao hơn. Tổng số giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý kiêm nhiệm là 946 người (trình độ tiến sĩ 04, thạc sĩ 171, đại học 512, cao đẳng 39, trung cấp 46, trình độ khác 32 người); có 99,5% giảng viên, giáo viên đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, 96% đạt chuẩn tin học và 96,5% đạt chuẩn ngoại ngữ.

Trong thời gian qua, công tác đào tạo nghề đã thực hiện lồng ghép với nhiều chương trình đề án, dự án có liên quan, qua đó đã góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch. Thông qua đào tạo nghề hàng năm đã góp phần giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, ổn định tình hình trật tự xã hội của địa phương; nâng cao chất lượng nguồn lao động, tăng năng suất lao động. Công tác đào tạo và quản lý GDNN từng bước ổn định, đi vào chiều sâu, nhiều doanh nghiệp đã quan tâm đến công tác đào tạo cho lao động đang làm việc và tuyển chọn lao động qua đào tạo vào làm việc; công tác giải quyết việc làm sau đào tạo đã từng bước khởi; thông qua đào tạo đã góp phần khai thác tiềm năng, lợi thế nguồn lực con người trở thành một lợi thế so sánh trong thu hút và kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội. Công tác phân luồng trong giáo dục phổ thông từng bước đã tiếp cận với tỷ lệ theo quy định, nhiều phụ huynh và học sinh đã được tư vấn và mạnh dạn đăng ký học nghề theo nguyện vọng; đặc biệt tuyển sinh GDNN ở trình độ cao đẳng sẽ áp dụng tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở theo hình thức 9 +, đây là cơ hội rất lớn để học sinh tiết kiệm thời gian và chi phí, sớm tham gia thị trường lao động.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như: Một số nơi chưa làm tốt việc khảo sát, dự báo nhu cầu học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp của lao động từ đó chưa phát huy việc đào tạo gắn chuyên dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động; một số cơ sở GDNN chưa năng động, sáng tạo trong tuyển sinh; tỷ lệ học sinh bỏ học tăng; công tác phân luồng chưa đạt tỷ lệ theo quy định; một số trường thuộc hệ thống chuyên nghiệp khi được chuyển đổi thì chưa đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhiều nhà giáo chưa đạt chuẩn quy định,...

### **1.3.8. Việc chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện đổi mới giáo dục:**

- Chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường lớp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; sáp nhập các trường có quy mô nhỏ theo hướng bố trí trường liên xã, trường nhiều cấp học; giảm các điểm lẻ không còn phù hợp, trên tinh thần đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường và nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, bố trí lại tỉ lệ học sinh, giáo viên/lớp đúng định quy định.

- Có kế hoạch sắp xếp, điều chỉnh, bố trí hợp lý số lượng giáo viên thừa

thiếu cục bộ, thực hiện điều chuyển trong phạm vi huyện, thành phố; sau khi đã thực hiện cân đối, điều chuyển trong và liên huyện, thành phố vẫn dôi dư không thể bố trí hoặc đào tạo lại thì xem xét có phương án, kế hoạch phù hợp thực hiện tinh giản theo đúng quy định.

- Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc theo từng loại hình trường; thực hiện tốt việc đánh giá, phân loại viên chức, công chức hàng năm gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch đã được phê duyệt; xây dựng kế hoạch bổ sung số lượng người làm việc đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

- Thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, nhất là tổ chức, triển khai thực hiện thí điểm cơ sở giáo dục tự chủ một phần, tiến tới tự chủ hoàn toàn về kinh phí, từng bước tăng thu từ hoạt động sự nghiệp, giảm chi từ ngân sách nhà nước,...

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT, đội ngũ nhà giáo đủ năng lực áp dụng đa dạng các hình thức và phương pháp chăm sóc, giáo dục; đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục theo hướng mở, tạo điều kiện cho trẻ phát huy năng lực; chất lượng giáo dục mầm non vùng có đồng bào DTTS được tăng cường<sup>4</sup>.

- Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm luôn được các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo; chất lượng và tỷ lệ đạt chuẩn được nâng cao. Tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS hai hệ đạt 88,58%, tăng 2,96%. Tỉnh Kiên Giang được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, duy trì công tác phổ cập giáo dục THCS và xóa mù chữ mức độ 1. Xây dựng kế hoạch nhân rộng Dự án mô hình trường học mới (MHTHM) Việt Nam (VNEN), làm cơ sở tiếp tục triển khai nhân rộng MHTHM vào những năm tiếp theo.

## **2. Về văn hóa, thể thao và du lịch:**

### **2.1. Về văn hóa:**

#### **2.1.1. Việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn:**

---

<sup>4</sup> Toàn tỉnh có 4.279 trẻ từ 3 tuổi đến 5 tuổi là dân tộc thiểu số được đến trường (tỷ lệ 58,0 % so với dân số độ tuổi), trong đó trẻ 5 tuổi có 3.031 trẻ (tỷ lệ 97,9% so với dân số độ tuổi). Tình hình hoạt động trường, lớp mầm non ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã và đang đầu tư và phát triển, hiện nay các khu công nghiệp trong tỉnh đều có trường, lớp mầm non, cụ thể: Khu công nghiệp xã Thạnh Lộc huyện Châu Thành có 03 phòng học; Khu cảng Tắc Cậu 03 phòng học; Khu công nghiệp Định An huyện Gò Quao 04 phòng học.



**\* Công tác kiểm kê, xếp hạng, khoanh vùng cấm mốc, trùng tu tôn tạo phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hóa:**

Việc tu bổ, tôn tạo các di tích trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua được thực hiện tốt, đảm bảo giữ nguyên giá trị gốc của di tích. Thực hiện trùng tu 02 di tích cấp quốc gia bằng nguồn vốn chương trình phát triển văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; khảo sát 10 di tích cấp tỉnh để tu bổ, tôn tạo bằng nguồn vốn đầu tư trung hạn của tỉnh. Đối với nguồn vốn xã hội hóa việc tu bổ, tôn tạo di tích, nhiều địa phương huy động các cá nhân, tổ chức tham gia đóng góp kinh phí, ngày công lao động cho công tác trùng tu, tôn tạo, bảo tồn di tích như: Hà Tiên, Hòn Đất, Phú Quốc, Giồng Riềng... Trong đó, có một số di tích được khai thác, kết hợp phát triển du lịch, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tâm linh của nhân dân, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

**\* Công tác sưu tầm, lưu giữ và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân:**

Chỉ đạo thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Đờn ca tài tử; thực hiện việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh, các loại hình nghệ thuật dân tộc Khmer truyền thống như: Dù kê, múa trống Sa dăm, hát A-day, múa lâm-thôl... Hàng năm, tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng dân tộc Khmer từ cơ sở đến tỉnh và tham gia hội diễn khu vực, toàn quốc.

Tỉnh hiện có 05 cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

**\* Công tác phân cấp và tổ chức quản lý di sản văn hóa:**

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 và các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Kiên Giang; phân cấp quản lý di tích, phân công trách nhiệm các ban, ngành và chính quyền các cấp được cụ thể hơn, từng bước đưa công tác quản lý di tích đi vào nề nếp.

Chỉ đạo việc lập hồ sơ khoa học đăng ký xếp hạng di tích và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, tăng cường các hoạt động bảo vệ, bảo quản, khai thác, phát huy tác dụng các di tích.

**\* Quy hoạch khảo cổ:** Kiên Giang hiện chưa có quy hoạch về khảo cổ. Hiện có khu di tích khảo cổ học Nền Chùa tại xã Mỹ Phước huyện Hòn Đất đã thực hiện xong bước giải phóng mặt bằng và đang được Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam thực hiện công tác khai quật để tìm kiếm hiện vật.

**\* Quy hoạch bảo tồn di tích lịch sử văn hóa:** Hiện chưa có quy hoạch tổng thể về quy hoạch bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, chỉ có quy hoạch những khu di tích và di tích riêng lẻ. Thời gian tới sẽ thực hiện lồng ghép việc quản lý các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh ứng phó biến đổi khí hậu vào

quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh và từng địa phương gắn với mục tiêu phát triển bền vững<sup>5</sup>.

**\* Công tác tổ chức và quản lý lễ hội:**

Các loại hình lễ hội tại Kiên Giang diễn ra khá phong phú nhưng vẫn đảm bảo tuyệt đối an toàn theo quy định. UBND tỉnh ban hành các văn bản đã đáp ứng kịp thời công tác quản lý và tổ chức lễ hội, từng bước khắc phục được các hạn chế trong việc tổ chức lễ hội; các văn bản được địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, không để xảy ra tình trạng bạo lực, phản cảm gây mất an ninh, trật tự tại các lễ hội; hạn chế tình trạng chèo kéo, đeo bám gây bức xúc cho du khách...; công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, giá cả dịch vụ không có hiện tượng tăng giá tùy tiện. Các hoạt động lễ hội đa số thực hiện theo hình thức xã hội hóa do nhân dân tự quản điều hành hoạt động như Lễ hội AHDT Nguyễn Trung Trực.

**2.1.2. Việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn:**

**\* Lĩnh vực phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”:**

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tiếp tục được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban Chỉ đạo phong trào các cấp quan tâm, triển khai và ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo. Công tác bình xét các danh hiệu văn hóa ngày càng chặt chẽ, thực chất hơn. Đến nay, toàn tỉnh có 367.788/403.034 hộ gia đình văn hóa, đạt 91,25% (tăng 6,25% so với Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh).

Công tác xã hội hóa trong phong trào ngày càng thể hiện rõ nét hơn qua việc huy động các nguồn lực trong nhân dân để xây dựng công trình phúc lợi cộng đồng như: Cầu, đường, trường học, cơ sở khám chữa bệnh, điện, nước sạch ở nông thôn. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội..., có nhiều chuyên biến tích cực, các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của từng địa phương được giữ gìn và phát huy.

**\* Xây dựng thiết chế văn hóa:**

Trong nhiều năm qua, việc xây dựng thiết chế văn hóa thể thao luôn được tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng, củng cố và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Toàn tỉnh có 13/15 huyện, thành phố có Trung tâm văn hóa thể thao; 86/145 Trung tâm văn hóa xã, phường; 02 thư viện vùng biên giới và vùng đồng bào dân tộc. Bên cạnh đó, tập trung tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hoàn thiện thiết chế văn hóa ở cơ sở như: Nhà thi đấu đa năng tỉnh, Thư viện tỉnh, Trung tâm Triển lãm nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa, Trung tâm Triển lãm văn hóa và bảo tồn di sản, Trung tâm Văn hoá tỉnh sẽ góp phần hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho các hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật của tỉnh.

<sup>5</sup> Cụ thể đang điều chỉnh lại quy hoạch khu di tích lịch sử Núi Bình San - Lăng Mạc Cừu và thắng cảnh Mo So, mục tiêu không chỉ bảo tồn, tôn tạo di tích mà còn gắn với phát triển du lịch và ứng phó biến đổi khí hậu

### **\* Về lĩnh vực thư viện:**

Trong những năm qua, Thư viện tỉnh đã không ngừng nỗ lực phát huy công tác thông tin tuyên truyền, tổ chức trưng bày triển lãm và phục vụ lưu động phục vụ nhân dân đọc sách tại các lễ hội trong tỉnh nhất là vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nông thôn, vùng biên giới hải đảo, vùng đồng bào dân tộc. Thư viện tỉnh vừa khánh thành trụ sở mới, trong năm 2018 đã phục vụ 73.000 lượt đọc giả.

#### **2.1.3. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thư viện, những đề xuất, kiến nghị xây dựng Luật Thư viện:**

Lĩnh vực thư viện của tỉnh đã triển khai thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về thư viện. Thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng chính phủ; Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 23/12/2015 thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2020” và Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 21/3/2018 triển khai Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

#### **2.1.4. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về nghệ thuật biểu diễn; quy hoạch, xây dựng và quản lý tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn**

Tình hình hoạt động trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua tương đối ổn định; để bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống các dân tộc, tạo ra nhiều tác phẩm đặc trưng, chất lượng cao, thể hiện được tính sáng tạo, độc đáo của nghệ thuật truyền thống, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 phê duyệt “Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Đờn ca tài tử trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018 - 2020”. Đồng thời, khuyến khích phát triển các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc, chương trình nghệ thuật tổ chức các sự kiện..., tích cực hợp tác giữa các ngành, lĩnh vực liên quan với nghệ thuật biểu diễn; các đoàn nghệ thuật của tỉnh tổ chức nhiều chương trình nghệ thuật, giao lưu văn hóa, văn nghệ triển lãm, phục vụ các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh.

Thời gian qua, các hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm tại địa phương phát triển khá tốt về chất lượng tác phẩm cũng như quy mô. Tuy nhiên, vẫn tập trung chủ yếu ở thành phố Rạch Giá và các địa phương có ưu thế về du lịch như huyện Phú Quốc, thành phố Hà Tiên. Từ năm 2009 đến nay, tỉnh đã cấp 26 giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (phần mỹ thuật).

#### **2.1.5. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân:**

##### **\* Bất cập, hạn chế:**

- Nguồn nhân lực công tác bảo vệ, bảo quản ở các di tích còn hạn chế; thiếu cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với tổ chức và cá nhân quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích.

- Nhiều di tích trên địa bàn tỉnh đã, đang xuống cấp cần trùng tu, tôn tạo, nhưng còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế nguồn kinh phí thực hiện.

- Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là việc kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; tổ chức lễ hội một số nơi còn mang tính phong trào, thiếu chọn lọc, chưa phát huy giá trị. Các chương trình, tiết mục, vở diễn tuy có nhiều đổi mới, được chú trọng đầu tư về hình thức và chất lượng nhưng nhìn chung nội dung biểu diễn vẫn còn rập khuôn, thiếu tính sáng tạo.

- Việc quản lý xây dựng tượng tôn giáo và các công trình điêu khắc ngoài trời còn lúng túng. Cần xây dựng các văn bản quản lý thống nhất trên cả nước với những quy định rõ ràng về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép, các đối tượng liên quan trong việc thực thi thủ tục hành chính này.

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tuy có sự đóng góp thiết thực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhưng từng lúc, từng nơi còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa đầy đủ, toàn diện và sâu sắc. Vai trò của Ban Vận động một số ấp, khu phố chưa được phát huy triệt để, việc tuyên truyền vận động nhân dân còn có mặt hạn chế. Kinh phí đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, công tác xã hội hóa trong phong trào còn nhiều khó khăn.

#### **\* Nguyên nhân:**

- Trong quá trình đô thị hóa tự phát một số nơi làm ảnh hưởng đến cảnh quan di tích, một số di tích vẫn còn các hộ dân có đất hoặc có nhà ở nên ảnh hưởng đến việc quy hoạch và cấp chủ quyền, đồng thời ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường di tích.

- Vẫn còn một bộ phận nhân dân đời sống kinh tế còn khó khăn, trình độ dân trí thấp, nhất là trong đồng bào dân tộc Khmer; ý thức tự học tập, phấn đấu vươn lên chưa nhiều, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước; việc phân biệt đối xử, ngược đãi phụ nữ, trẻ em ở một số gia đình vẫn còn diễn ra.

- Chính sách đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, còn hạn chế, nhất là công tác sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Công tác bồi dưỡng nhân lực làm công tác văn hóa chưa được quan tâm đúng mức.

- Công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích nói chung, công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích vẫn còn một số nơi chính quyền cơ sở chưa thực sự quan tâm đến công tác này.

- Do hiện nay, ngoài 02 đơn vị biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp là Đoàn Cải lương nhân dân Kiên Giang và Đoàn Nghệ thuật Khmer thì các đơn vị tổ chức biểu diễn thuộc địa phương quản lý phần lớn là các đoàn nghệ thuật nhỏ lẻ, nghệ sĩ, ca sĩ, diễn viên không chuyên, tập trung lại và thành lập đoàn biểu diễn nghệ thuật. Vì thế, nhìn chung, nguồn nhân sự vẫn còn thiếu và yếu, chưa qua trường lớp đào tạo chuyên nghiệp, khả năng biểu diễn nghệ thuật vẫn còn hạn chế, chưa thỏa mãn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của nhân dân.

- Công tác thanh tra, kiểm tra chưa thực sự triệt để, chỉ được áp dụng hình thức nhắc nhở, cảnh cáo trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật (chủ yếu là vi phạm về hình thức phát hành vé).

- Về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa: Đội ngũ cán bộ thường xuyên biến động, nhìn chung còn thiếu và yếu trong khi quy mô và nội dung phong trào ngày càng đa dạng, phong phú. Chính sách thu hút lực lượng trẻ, những người có nghiệp vụ công tác tốt tham gia vào các lĩnh vực của ngành chậm đổi mới, chưa tạo được động lực trong công tác và phát triển ngành. Kinh phí đầu tư cho các hoạt động văn hóa, tổ chức thực hiện phong trào còn hạn chế, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao.

## **2.2. Về thể thao:**

### **2.2.1. Việc phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng (phát triển các môn thể thao dân tộc):**

Phong trào thể dục thể thao (TDTT) quần chúng được quan tâm và phát động tổ chức trong toàn tỉnh, với nhiều loại hình đa dạng, phong phú, đưa việc rèn luyện thân thể trở thành nhu cầu, thói quen của đông đảo nhân dân. Tính đến cuối năm 2018, có 26,5% dân số trong toàn tỉnh tập luyện TDTT thường xuyên.

Hàng năm, tỉnh tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao dân tộc nhân dịp các ngày lễ lớn, lễ hội truyền thống, sự kiện chính trị của địa phương, góp phần phát triển các môn thể thao dân tộc trên địa bàn tỉnh.

### **2.2.2. Việc phát triển thể thao thành tích cao; công tác tuyển chọn và duy trì đào tạo vận động viên năng khiếu tập trung, bán tập trung; công tác huấn luyện đào tạo và thành tích thi đấu của thể thao thành tích cao:**

Tỉnh ban hành các kế hoạch chỉ đạo, tổ chức nhiều hoạt động TDTT, nhằm nâng cao sức khỏe cho mọi người, cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân. Thể thao thành tích cao hiện đang duy trì tập luyện thường xuyên 80 vận động viên năng khiếu, đội trẻ, đội tuyển tỉnh ở 10 môn: Cờ vua, điền kinh, quần vợt, quyền anh, cử tạ, Canoeing, bóng chuyền bãi biển, bóng chuyền trong nhà, Vovinam, Karatedo<sup>6</sup>.

Tập trung đào tạo 02 tuyển: Tuyển trẻ và tuyển năng khiếu (không có bán tập trung), với 07 môn: Bóng chuyền nam trong nhà, Bóng chuyền bãi biển nữ, Cờ vua, Quần vợt, Karate, Vovinam và Điền kinh. Đến nay, toàn tỉnh có 05 đội tuyển năng khiếu với 49 vận động viên và 03 đội tuyển trẻ với 19 vận động viên.

#### **\* Bên cạnh những mặt thuận lợi, còn gặp một số khó khăn như sau:**

- Kinh phí đầu tư cho công tác huấn luyện và đào tạo vận động viên còn nhiều hạn chế và khó khăn như: Chế độ dinh dưỡng, tiền công; kinh phí cho vận

---

<sup>6</sup> Từ năm 2016 - 2018 các đội thể thao đã tham dự 135 giải khu vực, toàn quốc và quốc tế; đạt 437 huy chương các loại, gồm 100 HCV, 116 HCB và 221 HCD (trong đó có 15 huy chương quốc tế gồm: 06 HCV, 06 HCB và 03 HCD).

động viên đi tập huấn trong nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn; trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tập luyện và thi đấu,...

- Bên cạnh đó, đội ngũ huấn luyện viên còn thiếu và hạn chế về mặt chuyên môn.

- Cơ sở vật chất đầu tư cho việc giảng dạy văn hóa và khu ký túc xá vận động viên chưa đảm bảo điều kiện thích nghi cho việc sinh hoạt và học tập của vận động viên.

### **2.2.3. Vấn đề đầu tư, xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng và phát triển thể thao thành tích cao của địa phương:**

Thực hiện chủ trương xã hội hóa: Đã huy động, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở, sân bãi tập luyện TDTT khá mạnh; hiện nay toàn tỉnh đã xây dựng hơn 150 sân bóng đá nhân tạo, hồ bơi, sân bóng chuyên, cầu lông, tennis, phòng tập thể hình, thể dục thẩm mỹ..., với tổng số vốn hàng trăm tỷ đồng.

Hàng năm, các hoạt động thi đấu TDTT, hội thao các cấp từ cơ sở đến tỉnh đã được nhiều tổ chức, cá nhân tài trợ kinh phí, trao giải thưởng, hiện vật trị giá hàng trăm triệu đồng, đối với các giải thể thao cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc vận động các tổ chức, cá nhân tài trợ trên 50 tỷ đồng, góp phần thúc đẩy phong trào thể dục thể thao nhiều địa phương trong tỉnh.

Hiện tại, Sở Văn hóa và Thể thao quản lý Khu Liên hợp TDTT gồm: Sân bóng đá 8.000 chỗ ngồi; Nhà Thi đấu đa năng với gần 3.000 chỗ ngồi và đảm bảo đủ điều kiện tổ các giải cấp quốc gia và quốc tế. Trường Năng khiếu TDTT tỉnh hiện nay có 01 nhà tập đa năng với diện tích 2.719,5m<sup>2</sup> phục vụ cho môn Bóng chuyên, Quần vợt, Vovinam, Karate và tập thể lực cho các môn. Lực lượng vũ trang hiện có 01 câu lạc bộ võ thuật, 02 sân bóng đá mini, 02 sân quần vợt, 04 sân cầu lông, 30 sân bóng chuyên ngoài trời và một số phòng tập bóng bàn.

Đến nay, toàn tỉnh có 60/145 xã đã triển khai xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm văn hóa thể thao xã và 15 xã đang xây dựng, tập trung ở các xã điểm nông thôn mới đạt 43,5%. Hiện nay, có trên 05 huyện đã có nhà thi đấu đa năng. Hầu hết các huyện, thành phố đều có sân bóng đá và hồ bơi, do các doanh nghiệp đầu tư.

## **2.3. Về du lịch:**

### **2.3.1. Tình hình triển khai Luật Du lịch (sửa đổi):**

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật du lịch được quan tâm triển khai khá tốt và đạt được nhiều kết quả, thông qua tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn, giải thích thực hiện Luật Du lịch cho tổ chức, công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính hoặc kết hợp với những cuộc kiểm tra, thẩm định cơ sở lưu trú du lịch (CSLTDL). Những điểm mới của Luật Du lịch, nhất là quan điểm lấy khách du lịch làm trung tâm; đơn giản hóa thủ tục hành chính cho doanh nghiệp du lịch..., đã định hướng, nâng nhận thức, tạo điều kiện thuận lợi và hành lang pháp lý thông thoáng để các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế như:

Công tác tuyên truyền còn thiếu những áp phích cổ động trực quan, những ấn phẩm tuyên truyền thể hiện ở dạng hỏi-đáp; việc tuyên truyền trong cộng đồng dân cư, nhất là ở những vùng trọng điểm về du lịch còn hạn chế; việc chấp hành pháp luật du lịch của các đơn vị kinh doanh dịch vụ lữ hành chưa cao.

**2.3.2. Công tác quy hoạch, định hướng phát triển tiềm năng du lịch; việc đầu tư phát triển các điểm, khu du lịch và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, tiêu biểu tại địa phương. Thuận lợi, khó khăn trong công tác phối hợp phát triển du lịch:**

**\* Công tác quy hoạch, định hướng phát triển tiềm năng du lịch**

Đến nay, toàn tỉnh đã phê duyệt 37 đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 với diện tích 21.733,65 ha và 295 đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/500, với diện tích khoảng 19.981,86 ha các khu du lịch, điểm du lịch. Thời gian tới, thực hiện tích hợp quy hoạch phát triển du lịch vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Luật Quy hoạch.

Tập trung thực hiện quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch phân khu chức năng du lịch đối với các vùng du lịch trọng điểm; tiếp tục rà soát, triển khai lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu, điểm du lịch để triển khai đầu tư kết cấu hạ tầng và kêu gọi dự án đầu tư kinh doanh du lịch. Hoàn chỉnh, phê duyệt quy hoạch phát huy giá trị di tích lịch sử - thắng cảnh quốc gia Moso; rà soát điều chỉnh, bổ sung hoặc lập mới các Đề án phát huy giá trị các khu bảo tồn, hệ sinh thái, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch như Đầm Đông Hồ, Đồng Cỏ Bàng, các khu rừng phòng hộ,...

**\* Việc đầu tư phát triển các điểm, khu du lịch và các dịch vụ phục vụ khách du lịch:**

Về khu/điểm du lịch, năm 2017 đã công nhận 03 Khu du lịch cấp tỉnh<sup>7</sup>., qua đó đã góp phần thu hút khách du lịch, nhất là khách quốc tế đến tham quan, trải nghiệm. Hệ thống CSLTDL trong tỉnh ngày càng phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng; đến tháng 6/2019, có 726 CSLTDL đăng ký, với 22.654 phòng nghỉ; 101 đơn vị lữ hành (16 đơn vị lữ hành quốc tế).

Năm 2018, đón được hơn 7,7 triệu lượt khách (tăng 26,8%); doanh thu đạt hơn 6.372 tỷ đồng (tăng 39%); 06 tháng đầu năm 2019 đón được 4,298 triệu lượt khách trong đó, khách quốc tế 405,5 ngàn lượt, tổng doanh thu trực tiếp từ du lịch đạt 4,268 ngàn tỷ đồng (tăng so với cùng kỳ).

**\* Định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, tiêu biểu của địa phương:**

---

<sup>7</sup> (1) Khu du lịch Quần đảo Nam Du thuộc xã An Sơn và xã Nam Du được Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang công nhận tại Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; (2) Khu du lịch Lại Sơn thuộc xã Lại Sơn huyện Kiên Hải được Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang công nhận tại Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; và (3) Khu du lịch Quần đảo Hải Tặc thuộc xã Tiên Hải, thành phố Hà Tiên được Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang công nhận tại Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 29/12/2017.

Tỉnh đã chỉ đạo định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, tiêu biểu của tỉnh theo 4 vùng du lịch trọng điểm: 1) **Vùng Phú Quốc:** Du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch hội nghị cao cấp,...; 2) **Vùng Hà Tiên - Kiên Lương và phụ cận:** Tham quan hệ sinh thái núi đá vôi giao thoa biển và đồng bằng; du lịch cửa khẩu, du lịch sinh thái biển, đảo...; 3) **Vùng Rạch Giá - Kiên Hải và phụ cận:** Du lịch tín ngưỡng, tâm linh, du lịch sinh thái biển, đảo; điểm trung chuyển...; 4) **Vùng U Minh Thượng và phụ cận:** Du lịch tham quan, nghiên cứu khoa học hệ sinh thái rừng tràm, ven biển, nông nghiệp.

**\* Thuận lợi, khó khăn trong công tác phối hợp phát triển du lịch:**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 về ban hành quy chế phối hợp quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh, để công tác quản lý nhà nước về du lịch ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả.

**Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, khó khăn:**

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động du lịch hiệu quả còn thấp; công tác phối hợp quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường, rác thải, nước thải tại các cơ sở kinh doanh du lịch, các khu, điểm du lịch còn hạn chế. Việc đầu tư nhà máy xử lý rác thải, nước thải chậm so với yêu cầu phát triển.

- Giá cả dịch vụ du lịch, ăn uống, mua sắm..., đang ở mức khá cao so với mặt bằng chung của các địa phương khác trong nước. Các hoạt động khác có liên quan đến du lịch như gian lận thương mại, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, xây dựng trái phép, không phép, không đúng quy hoạch..., đang có chiều hướng gia tăng.

**2.3.3. Việc phát triển du lịch gắn với bảo vệ và phát huy các di tích lịch sử - văn hóa và duy trì phát triển các làng nghề thủ công truyền thống của các dân tộc; bảo tồn thiên nhiên, tài nguyên và môi trường du lịch:**

**\* Di tích lịch sử - văn hóa:** Tỉnh Kiên Giang có nhiều di tích lịch sử - văn hóa; đến nay có 56 di tích được công nhận (trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 21 di tích cấp quốc gia và 34 di tích cấp tỉnh). Trong những năm qua, các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và cấp tỉnh<sup>8</sup> được Trung ương, tỉnh quan tâm bảo quản, tu bổ, tôn tạo thu hút được nhiều khách du lịch đến tham quan. Tổ chức khảo sát tiềm năng, sản phẩm du lịch gắn với các di tích và làng nghề nhằm đánh giá, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch định hướng cho việc thiết kế tour du lịch phục vụ du khách.

**\* Làng nghề:** Các làng nghề thủ công truyền thống nổi tiếng tại Kiên Giang như hồ tiêu, nước mắm, rượu sim, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, nghề đan cỏ bàng..., đã đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch, được du khách trong và ngoài nước biết đến trong nhiều năm qua, góp phần làm phong phú, đa dạng chuỗi sản phẩm du lịch trong hệ thống sản phẩm du lịch.

---

<sup>8</sup> Trại giam Tù bệnh công sản Việt Nam/Phú Quốc, Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, Lăng Mạc Cừ, di tích danh lam thắng cảnh núi Đá Dựng, di tích thắng cảnh Chùa Hang, di tích lịch sử thắng cảnh Mo So, di tích lịch sử thắng cảnh Hồ Hoa Mai; di tích An ninh khu IX, di tích lịch sử Ba Hòn, di tích Đình Vĩnh Tuy...





**\* Việc phát triển du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, tài nguyên môi trường du lịch:**

Việc du lịch phát triển nhanh, mạnh trong những năm gần đây đã tạo sức ép rất lớn đến thiên nhiên và tài nguyên môi trường du lịch, đặc biệt là những khu du lịch biển, đảo, ven biển như Phú Quốc, Kiên Hải, Hà Tiên... Cụ thể là sự gia tăng về lượng khách, các chất thải từ hoạt động du lịch ngày một tăng nhanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển du lịch..., đã và đang gây ảnh hưởng đến đời sống dân cư, phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, đe dọa phát triển trong thời gian tới.

Để du lịch phát triển bền vững, tỉnh đã quan tâm ưu tiên đề ra những giải pháp phát triển gắn với bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên môi trường du lịch, như: Tăng cường năng lực quản lý môi trường ở các khu, điểm du lịch; đẩy mạnh việc thanh, kiểm tra, giám sát về môi trường; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường; tăng cường kêu gọi các nguồn lực đầu tư để triển khai các chương trình bảo vệ, phát triển rừng, bảo vệ các hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

**2.3.4. Việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch tại địa phương; phát triển du lịch gắn với tạo việc làm cho lao động tại địa phương:**

Tỉnh quan tâm chỉ đạo công tác đào tạo nghiệp vụ cho lao động ngành du lịch, với nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về du lịch theo hình thức xã hội hóa, từ nguồn tài trợ của các dự án, ngân sách địa phương..., góp phần nâng cao chất lượng lao động trong ngành du lịch của tỉnh.

Giai đoạn 2017 - 2018, cơ bản thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng quản lý nhà nước về du lịch. Đến năm 2018, lao động du lịch trực tiếp toàn tỉnh khoảng 12 ngàn người; tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên ngành về du lịch đạt khoảng 60%; trong số lao động qua đào tạo có 82,1% trình độ trung cấp, sơ cấp nghề và chứng chỉ bồi dưỡng ngắn hạn.

Nhìn chung, chất lượng nguồn nhân lực và dịch vụ phục vụ khách du lịch được nâng thêm một bước, nhất là ở các địa bàn trọng điểm du lịch, đặc biệt ở Phú Quốc; tạo nhiều việc làm, thu hút được nhiều lao động; góp phần nâng cao đời sống một bộ phận dân cư tại những nơi có tiềm năng du lịch.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm và thành tích đạt được, vẫn còn một vài hạn chế và nguyên nhân sau:

- Việc tổ chức khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch chưa thực hiện được làm ảnh hưởng một phần đến chất lượng hướng dẫn viên.

- Một số cơ sở lưu trú du lịch, nhất là cơ sở có quy mô nhỏ, để tiết kiệm chi phí nên chủ đầu tư thường kiêm luôn quản lý điều hành nhưng thiếu kiến thức chuyên môn; sử dụng lao động dôi dư trong gia đình chưa qua đào tạo nên chất lượng phục vụ không cao, thiếu chuyên nghiệp.

- Nhiều doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch nhận thức chưa đầy đủ về quy định được tự nguyện đăng ký xếp hạng CSLTDL nên nảy sinh tư tưởng hài lòng với khách sạn hoặc nhà nghỉ dù điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ phục vụ khách du lịch; từ đó, ít quan tâm đến chất lượng nguồn lao động trong đơn vị. Điều này, dẫn đến việc tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ trong các CSLTDL hiện nay khó thu hút được người học.

### **3. Về thông tin – truyền thông:**

#### **3.1. Việc thực hiện Luật Báo chí; việc triển khai quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí tại địa phương**

Hiện toàn tỉnh có 03 cơ quan báo chí: Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; Báo Kiên Giang và Tạp chí Chiêu Anh Các (tổng số cán bộ, viên chức làm báo là 208 người, trong đó 89 người có thẻ nhà báo); có 04 Văn phòng đại diện và 15 phóng viên thường trú các báo của Trung ương tại Kiên Giang. Bên cạnh đó, còn có các cơ quan, đơn vị hoạt động thuộc loại hình báo chí<sup>9</sup>.

Chỉ đạo các ngành liên quan, các cơ quan báo chí trên địa bàn tổ chức triển khai, quán triệt Luật Báo chí, kết hợp tuyên truyền sâu rộng với nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 03/02/2017 về thực hiện Đề án “Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí, gắn với nâng cao chất lượng hoạt động đối với các loại hình báo chí đến năm 2025” và Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 về phê duyệt Đề án “Nâng cấp và phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở tỉnh Kiên Giang đến năm 2020”, tạo tiền đề cho các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trong tỉnh từng bước hoàn thiện, phát triển.

#### **\* Khó khăn:**

Công tác chỉ đạo, định hướng thông tin trên báo chí nói chung, trên phát thanh, truyền hình nói riêng chưa theo kịp tính thời sự, nhất là trong bối cảnh mạng xã hội phát triển như hiện nay; một số vấn đề quan trọng, sự kiện dư luận xuất hiện trên truyền thông xã hội theo những cách thức thiếu kiểm soát.

Trong những năm gần đây, công tác quản lý, đảm bảo an ninh mạng gặp khó khăn do nhiều đối tượng lợi dụng mạng xã hội cung cấp thông tin xuyên biên giới để đăng tải thông tin xấu làm ảnh hưởng an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Chất lượng, nội dung tuyên truyền nâng lên còn chậm; đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên trình độ chưa theo kịp yêu cầu phát triển; nguồn thu ngày càng sụt giảm do cạnh tranh về thị phần quảng cáo ngày càng gay gắt. Nội dung thông tin báo chí của tỉnh chỉ mới làm tốt công tác đối nội, thông tin đối ngoại chưa nhiều.

---

<sup>9</sup> 15 Đài Truyền thanh huyện, thành phố, Công thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh Kiên Giang; 46 Trang TTĐT của các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội và địa phương; 20 bản tin, 10 đặc san của các Sở, ngành và địa phương trong tỉnh.

### **3.2. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về xuất bản:**

Hiện toàn tỉnh có 59 cơ sở phát hành xuất bản phẩm, trong đó Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang và Nhà sách Fahasa với quy mô lớn; có 06 cơ sở in xuất bản phẩm và gần 450 cơ sở in lụa, trong đó Xí nghiệp in Hồ Văn Tầu với quy mô lớn, bình quân gần 4 triệu trang/năm, đạt doanh thu bình quân 50 tỷ/năm.

Chỉ đạo tổ chức phổ biến, quán triệt Luật Xuất bản năm 2012 và các nghị định, thông tư, quyết định và văn bản khác có liên quan đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan báo, đài, tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 17/4/2019 về triển khai thực hiện Quyết định số 115/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Công tác thẩm định hồ sơ, cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh được thực hiện theo đúng quy định.

\* **Hạn chế:** Việc in ấn các loại tờ rơi, tờ gấp, áp phích giới thiệu sản phẩm, quảng cáo thương hiệu chưa qua khâu kiểm tra, cấp phép làm ảnh hưởng xấu đến xã hội; các cơ sở in chưa nắm được chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực in, từ đó chưa thực hiện tốt yêu cầu báo cáo, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước.

### **3.3. Công tác quản lý hoạt động mạng truyền thông (Internet):**

Chỉ đạo thực hiện phổ biến, tuyên truyền đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân các quy định của pháp luật về Internet như: Luật Viễn thông và các Nghị định, Thông tư liên quan<sup>10</sup>; ban hành Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Hàng năm, công tác thanh tra, kiểm tra các đại lý hoạt động kinh doanh điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được tổ chức thường xuyên trên địa bàn. Qua kiểm tra cho thấy, cơ bản các đại lý chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ Internet; tuy nhiên, một số đại lý vẫn còn vi phạm các quy định về địa điểm, diện tích, giờ đóng mở, cửa, nội quy sử dụng dịch vụ, phòng cháy, chữa cháy,...

## **4. Về tín ngưỡng tôn giáo**

### **4.1. Công tác triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo**

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 23/5/2017 về việc triển khai thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Kế hoạch số 40/KH-SNV ngày 24/8/2017 của Sở Nội vụ về triển khai, thi hành Luật và Công văn số 620/SNV-TG ngày 23/6/2017 về việc hướng dẫn đối tượng đư

---

<sup>10</sup> Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng,...

triển khai, tập huấn Luật. Tổ chức các hội nghị, lớp bồi dưỡng, triển khai Luật<sup>11</sup>. Đồng thời, ban hành các kế hoạch, công văn triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

#### **4.2. Tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh:**

UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã xem xét, giải quyết các yêu cầu chính đáng của hoạt động tôn giáo<sup>12</sup>. Nhìn chung, các yêu cầu chính đáng của các cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được xem xét giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, các hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thuận túy, theo truyền thống, được các cấp, các ngành tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người.

Tỉnh Ủy, UBND tỉnh và các huyện, thành phố trong tỉnh quan tâm thăm hỏi, chúc mừng các tổ chức, cá nhân tôn giáo tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán, các ngày lễ trọng đại của Tôn giáo và thăm hỏi các chức sắc khi đau ốm. Qua đó, gặp gỡ các tổ chức, cá nhân tôn giáo để tuyên truyền, vận động cảnh giác với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trước, trong và sau các ngày lễ của đất nước, nhất là xung quanh việc Quốc hội Khóa XIV thảo luận Luật Đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt và thông qua Luật An ninh mạng, gắn với việc nắm tâm tư, nguyện vọng của chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo để tuyên truyền, vận động các tôn giáo cảnh giác với âm mưu lợi dụng của các thế lực thù địch và phần tử xấu xuyên tạc, kích động chống phá cách mạng đất nước ta, vận động tín đồ thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, góp phần tạo sự gắn gũi, gắn bó với đồng bào có đạo.

**\* Quá trình triển khai, thực hiện Luật và Nghị định về tín ngưỡng, tôn giáo phát sinh một số vướng mắc như:**

- Tại Khoản 1 Điều 34 của Luật quy định trước khi bầu cử, suy cử chức việc phải thực hiện đăng ký nhân sự. Trong thực tế một số tổ chức tôn giáo như: Tin lành, Baha'I..., thực hiện việc bầu cử theo chế độ "cử tri" phiếu kín để chọn ra người làm chức việc, do đó việc đăng ký nhân sự để được bầu cử, suy cử trước còn vướng mắc.

- Tại khoản 2 Điều 34 của Luật, quy định việc đăng ký bổ nhiệm, suy cử chức việc. Đối với nhân sự của tổ chức giúp việc của các tôn giáo như: Hội đồng mục vụ Giáo xứ Công giáo; ban quản trị, ban hộ trì, ban hộ tự các chùa Phật giáo; ban quản tự của Tứ ân Hiếu nghĩa, ban trị sự một số chi phái Cao Đài; ban y tế phước thiện, ban chấp hành đạo đức, ban hộ đạo của chi hội Tịnh độ Cư sĩ

<sup>11</sup> Từ năm 2017 đến nay đã tổ chức triển khai Luật cho 111 cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, huyện; tổ chức 01 hội nghị trực tuyến triển khai Luật cho 102 cán bộ, công chức sở ban ngành cấp tỉnh, 1200 cán bộ, công chức cấp huyện; 18 lớp tập huấn chuyên sâu nội dung luật cho 2.547 cán bộ, công chức; tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo gắn với việc triển khai tập huấn nội dung Luật cho 1003 cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các ban ngành cấp huyện, xã. UBND các huyện tổ chức 31 hội nghị tập huấn nội dung Luật cho 3.289 cán bộ, công chức cấp huyện, xã và ấp, khu phố. Tổ chức triển khai Luật trong hệ thống chức sắc, nhà tu hành, chức việc các tôn giáo và đồng bào có tín ngưỡng trong toàn tỉnh.

<sup>12</sup> hồ sơ thành lập, hồ sơ tách tổ chức tôn giáo trực thuộc, hồ sơ đời điểm sinh hoạt tôn giáo của Phật giáo Hòa hảo, hồ sơ quyên góp của Phật giáo, hồ sơ phong phẩm Cao Đài, hồ sơ giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo của Phật giáo, hồ sơ thông báo danh mục hoạt động tôn giáo hàng năm, thông báo cách chức, bãi nhiệm;

và chức vụ tương đương của các tổ chức tôn giáo trực thuộc khác..., chưa được hướng dẫn cụ thể, các tôn giáo thì cho đây là những người giúp việc, ban Tôn giáo Chính phủ thì cho là chức việc, Ban Tôn giáo các tỉnh thì hiểu không thống nhất, nơi thì cho là chức việc, nơi thì cho là người giúp việc, do đó Ban tôn giáo Chính phủ có Công văn số 605/TGCP-PCTT trả lời cho tỉnh, nhưng do hiểu chưa thống nhất nên đến nay chưa áp dụng Luật để thực hiện được.

- Tại Khoản 6 Điều 34 của Luật quy định việc thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc, tạo ra thêm nhiều thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho tôn giáo, cũng như cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## 5. Về công tác thanh niên

Những năm qua, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thanh niên, trọng tâm là các văn bản như: Luật Thanh niên; Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa”.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 06/4/2018 thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016 - 2020); Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 19/4/2018 thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên và các văn bản triển khai thực hiện các chính sách đối với thanh niên trên địa bàn tỉnh; hằng năm UBND tỉnh đều ban hành kế hoạch và các văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về công tác thanh niên<sup>13</sup>.

Các ngành, các cấp triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản về công tác thanh niên tại cơ quan, địa phương, đồng thời lồng ghép các chính sách phát triển thanh niên vào các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương<sup>14</sup>.

Các hoạt động hướng nghiệp dạy nghề, giới thiệu việc làm được chú trọng. Triển khai, xây dựng kế hoạch hằng năm về chỉ tiêu dạy nghề, giải quyết việc làm cho thanh niên; tổ chức các hoạt động đồng hành hỗ trợ cho thanh niên lập thân, lập nghiệp như: Ngày hội, hội chợ việc làm, tư vấn tuyển sinh lao động,...; tư vấn, định hướng nghề hằng năm trên 7.000 thanh niên và giải quyết việc làm cho 3.400 thanh niên; các hoạt động hỗ trợ cho thanh niên được tiếp cận như ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tổ chức các lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật.

---

<sup>13</sup> Kế hoạch số 553/KH-SYT ngày 08/5/2015 của Sở Y tế về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của vị thành niên và thanh niên tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 - 2020; Kế hoạch số 728/KH-SYT ngày 01/6/2018 của Sở Y tế về thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.

<sup>14</sup> Nghị quyết số 169/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về Chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2018-2020; Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018; Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 04/4/2018 về việc đào tạo nghề cho lao động thuộc 04 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018 - 2020; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 10/5/2018 về việc hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

Chính sách đối với thanh niên dân tộc thiểu số, thanh niên trong diện yếu thế thực hiện khá tốt. Thanh niên dân tộc thiểu số được miễn giảm học phí trong học tập, trong học nghề và giải quyết việc làm; các chính sách cử tuyển,...

## **6. Công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em**

### **6.1. Việc tổ chức triển khai thực hiện Luật trẻ em năm 2016:**

Tiếp thu Luật trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định một số điều của Luật trẻ em, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các cấp chính quyền và các sở, ban, ngành phối hợp với các đoàn thể tập trung lãnh đạo, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền và triển khai, trên cơ sở đó ban hành Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 03/01/2013 của UBND tỉnh hành động vì trẻ em Kiên Giang giai đoạn 2012-2020 và các chương trình, kế hoạch thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Qua công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức của cấp ủy, các ngành, người dân, gia đình và trẻ em.

### **6.2. Kết quả đạt được về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em:**

Kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đã từng bước phát triển, công tác trẻ em ngày càng được quan tâm, các mục tiêu, chỉ tiêu vì trẻ em được lồng ghép trong các kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương như: Chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng... Tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố thực hiện các mục tiêu vì trẻ em Kiên Giang giai đoạn 2012-2020; phối hợp triển khai các giải pháp, nhiệm vụ các Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành về công tác trẻ em; gắn kết chặt chẽ công tác trẻ em với phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, đề án “Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt”. Triển khai nhiều mô hình phòng ngừa, trợ giúp trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, mô hình “Câu lạc bộ quyền trẻ em”, mô hình “Ngôi nhà an toàn”; dạy bơi trẻ em; sinh hoạt Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững; các nhóm phòng, chống bạo lực gia đình; địa chỉ tin cậy cộng đồng,... Từ đó, các chỉ tiêu, mục tiêu vì trẻ em của tỉnh đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, xây dựng môi trường sống an toàn, phù hợp cho trẻ em.

Công tác phòng chống, bảo vệ và xử lý các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bạo lực; phòng, chống tai nạn thương tích, lạm dụng lao động trẻ em:

- Thực hiện Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định một số điều của Luật trẻ em; UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 726/UBND-VHXXH ngày 16/5/2017 chỉ đạo tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại, bạo lực và tai nạn đuối nước trẻ em. Triển khai duy trì 6 mô hình phòng ngừa, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 3 mô hình “hỗ trợ, can thiệp giảm thiểu lao động trẻ em”; truyền thông nâng cao trách nhiệm gia đình thực hiện quyền trẻ em, các quy định về bảo vệ trẻ em; giáo dục kỹ năng, tổ chức vui chơi, giải trí, trợ giúp trẻ em. Kịp thời thăm hỏi, động viên, can thiệp, bảo vệ khẩn cấp xử lý, hỗ trợ các trường hợp trẻ em bạo lực, xâm hại. Tổ chức 8

lớp trang bị cho 820 em về kỹ năng phòng, chống bắt cóc, xâm hại, bạo lực, phát huy quyền trẻ em.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tập trung chỉ đạo tuyên truyền, thực hiện Nghị định 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Có Kế hoạch thực hiện chương trình hành động phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017- 2021.

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh đã thực hiện đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 93 đối tượng trong 93 vụ án xâm hại trẻ em, tòa án hai cấp của tỉnh đã thụ lý, giải quyết ác vụ án hình sự: Đối với người chưa thành niên và xử lý các tội phạm đối với trẻ em.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch liên ngành phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, phòng, chống đuối nước giai đoạn 2018-2020 và Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 28/5/2019 tổ chức phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng chống đuối nước và tổ chức hoạt động thể thao trường học năm 2019; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/5/2019 triển khai chương trình tặng mũ bảo hiểm cho trẻ em năm 2019, chủ đề “Giữ trọn ước mơ” theo đó Công ty Honda Việt Nam tặng 35.909 chiếc mũ bảo hiểm và Ban An toàn giao thông mua 1.000 chiếc để tặng cho học sinh vào lớp một năm học 2019-2020 và những học sinh các cấp có hoàn cảnh khó khăn.

### 6.3. Kinh phí cho công tác bảo vệ trẻ em; việc hình thành và hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em:

#### 6.3.1. Kinh phí cho công tác bảo vệ trẻ em:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Nguồn (giao về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội )	Năm			Tổng cộng
	2017	2018	2019	
Kinh phí Trung ương hỗ trợ dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	402	529	830	<b>1.761</b>
Ngân sách tỉnh	2.780	2.400	2.300	<b>7.480</b>
Vận động quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh	1.583	1.726	692	<b>4.001</b>
<b>Tổng</b>	<b>4.765</b>	<b>4.655</b>	<b>3.822</b>	<b>13.242</b>

#### 6.3.2. Việc hình thành và hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em:

Tỉnh có 4 cơ sở trợ giúp trẻ em (01 cơ sở công lập và 03 cơ sở ngoài công lập). Bình quân mỗi năm 04 cơ sở tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng gần 350 trẻ, việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các cơ sở ngày càng nâng cao chất lượng. Riêng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh với tổng số

cán bộ viên chức là 66 người; hàng năm vận động các cá nhân, tổ chức mạnh thường quân đến thăm, hỗ trợ trực tiếp vật phẩm, tiền cho các đối tượng đang được nuôi dưỡng tại đơn vị, quy ra giá trị bình quân 01 tỷ đồng/năm.

#### **6.4. Việc bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại các địa phương:**

- UBND tỉnh quyết định thành lập Ban Chỉ đạo bảo vệ chăm sóc trẻ em tỉnh, thành lập Đội công tác liên ngành giúp việc cho ban chỉ đạo tỉnh. Các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác trẻ em.

- Cán bộ phụ trách công tác trẻ em: Hiện nay, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Phòng Bảo trợ xã hội, trẻ em - bình đẳng giới và tị nạn xã hội với 9 biên chế. Cấp huyện bố trí 1 công chức Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố làm công tác trẻ em (15/15 huyện); cấp xã 145/145 xã bố trí cán bộ làm công tác trẻ em; 1.281 công tác viên dân số kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em các ấp, khu phố, chế độ phụ cấp cho công tác viên thực hiện theo Nghị Quyết số 154/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh. Đội ngũ cán bộ trẻ em cấp huyện, xã, cộng tác viên điều là kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, thường xuyên thay đổi vị trí công tác nên làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác trẻ em: Các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực, kỹ năng về bảo vệ chăm sóc trẻ em được các sở, ban, ngành, địa phương đa dạng hóa nội dung kết hợp chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để tập huấn nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với tình hình thực tiễn.

#### **6.5. Công tác phối hợp liên ngành trong chỉ đạo, thực hiện quyền trẻ em:**

Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo đã phối hợp trong việc triển khai thực hiện Luật trẻ em; thực hiện quyền trẻ em; triển khai các giải pháp, nhiệm vụ, các chỉ tiêu vì trẻ em; tăng cường chia sẻ thông tin; phối hợp liên ngành trong việc xử lý kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em, các bức xúc của trẻ em; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật trẻ em, quyền trẻ em; các ngành đã phối hợp, ký kết liên tịch để triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Định kỳ có đánh giá, rút kinh nghiệm việc phối hợp.

### **III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

Qua quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở những nguyên nhân, hạn chế, khó khăn, các ngành có những đề xuất kiến nghị như sau:

#### **1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:**

##### **1.1. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư:**

Xem xét có cơ chế đặc thù đối với ngành Giáo dục và Đào tạo theo nội dung Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, xem xét có phương án tinh giản biên chế phù hợp hơn riêng đối với Ngành Giáo dục và Đào tạo, không bình quân chung tỷ lệ của ngành này vào tỷ lệ cắt



giảm 10% tổng biên chế khối sự nghiệp công lập theo lộ trình, vì có học sinh và có nhu cầu học tập của con em nhân dân là phải có giáo viên giảng dạy.

Mặt khác, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới theo lộ trình Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội, môn Tin học và môn Tiếng Anh ở bậc tiểu học là 2 môn học bắt buộc, đề nghị nghiên cứu phát sinh tăng thêm nhu cầu bổ sung biên chế cho các vị trí giáo viên dạy Tin học và ngoại ngữ.

### **1.2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:**

- Thực hiện Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, quy định: Không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính hoặc viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Hiện tại, gây rất nhiều khó khăn cho các cơ sở giáo dục và y tế tại địa phương, do chưa tuyển dụng kịp thời để thay thế số nghỉ hưu, thôi việc và không có nguồn tuyển dụng bổ sung (do chưa phù hợp nhu cầu vị trí hoặc thi tuyển không đạt,...). Vì vậy, đề nghị ban hành quy định hướng dẫn chi tiết, đặc thù về hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ đối với ngành giáo dục và y tế.

- Sớm ban hành Nghị định thay đổi nội dung của Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cần có đề án, hướng dẫn và lộ trình thực hiện việc chuyển đổi đơn vị tự chủ một phần sang tự chủ toàn bộ kinh phí; đơn vị sự nghiệp có đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; cách tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp,...

- Chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương xem xét, phân bổ số lượng biên chế đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy mô dân số và đặc điểm vùng miền cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương (có giới hạn thấp nhất, cao nhất); xem xét, chỉ đạo Ngành Tài chính hỗ trợ kinh phí chi trả cho nhân sự hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

- Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí đầu tư trường nghề chất lượng cao và các trường đã được phê duyệt nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia.

### **1.3. Đối với Bộ Nội vụ**

- Việc giao định mức tinh giản biên chế cho địa phương cần xem xét đến tính đặc thù của Ngành Giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, không nên quy định cố định tỷ lệ tinh giản 10% đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

- Việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục cần xem đến tính đặc thù của vùng, miền (thành thị, nông thôn, biên giới, hải đảo,...). Vì nếu chỉ căn cứ vào định mức học sinh/lớp như hiện nay thì một số đơn vị trên địa bàn nông thôn, biên giới, hải đảo; vùng bãi ngang ven biển; vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số..., sẽ không đảm bảo và gặp nhiều khó khăn về biên chế được giao.

#### **1.4. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:**

- Xem xét, điều chỉnh quy định khoảng cách đi lại của học sinh các cấp học, ngành học theo vùng, miền (thành thị, đồng bằng, nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo,...) được quy định trong Điều lệ của trường.

- Xem xét, có sự thống nhất trong quy định số học sinh/lớp. Vì quy định như hiện nay có nhiều bất cập giữa sĩ số học sinh/lớp ở khu vực thành thị, nông thôn, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn..., hoặc giữa trường phổ thông (quy định: “Mỗi lớp ở các cấp THCS và THPT có không quá 45 học sinh”) với trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia (quy định “Mỗi lớp ở các cấp THCS và THPT có không quá 40 học sinh”). Từ đó, dẫn đến nhiều bất cập (cách xác định quy mô trường, lớp theo quy định định mức học sinh/lớp) trong việc thẩm định, bổ sung biên chế theo vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bổ sung vị trí việc làm đối với giáo viên dạy tiếng Anh, Tin học ở trường Tiểu học; giáo viên dạy tiếng Dân tộc trong trường Phổ thông Dân tộc nội trú; tiêu chuẩn, mã chức danh nghề nghiệp một số vị trí việc làm như: Thiết bị, giáo vụ, quản lý học sinh nội trú, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật,....

- Xem xét cơ chế quản lý, cho phép đơn vị tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ như hiện nay (*cả nước hiện mới có 04 đơn vị được phép tổ chức kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ ngoại ngữ 06 bậc*) là không đảm bảo cho yêu cầu tuyển dụng, thi thăng hạn của giáo viên. Vì vậy, kiến nghị giao cho địa phương quyết định việc cấp phép cho đơn vị có đủ năng lực để kiểm tra, cấp chứng chỉ A1, A2 như đã từng thực hiện trước đây; chứng chỉ B1, B2 sẽ giao cho các trường Đại học có đủ năng lực thực hiện.

- Xem xét công tác tuyển sinh đại học theo hướng giảm chỉ tiêu, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, xem xét đến yếu tố giải quyết việc làm và thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp; đồng thời, chia sẻ dữ liệu thông tin tuyển sinh đại học cho các trường thuộc khối giáo dục nghề nghiệp.

#### **1.5. Kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo:**

Sớm ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp làm cơ sở cho các tỉnh triển khai, thực hiện.

#### **2. Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch:**



## **2.1. Về văn hóa:**

### **2.1.1. Đối với Quốc hội, Chính phủ:**

Đề nghị ban hành Luật Thư viện; xem xét, bổ sung vào Luật Thi đua, khen thưởng có hình thức khen thưởng cho các danh hiệu: “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; “Phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh”; “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” để địa phương có căn cứ khen thưởng đối với các danh hiệu đạt chuẩn.

### **2.1.2. Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

- Hỗ trợ nguồn kinh phí cho địa phương để thực hiện tốt mục tiêu bảo tồn, chống xuống cấp di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao ở vùng có đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; bổ sung nguồn kinh phí đầu tư trang thiết bị cho hệ thống thư viện, bảo tàng (xây dựng bộ sưu tập tài liệu số cho cộng đồng; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tra cứu,...)

- Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản lĩnh vực văn hóa như:

+ Hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm nhằm tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về mỹ thuật, nhiếp ảnh ở địa phương, nhất là trong hoạt động cấp phép các loại hình nghệ thuật mới, xây dựng tượng đài, công trình điêu khắc ngoài trời và các vấn đề vi phạm bản quyền tác giả.

+ Phối hợp với Bộ Tài chính có quy định cụ thể hơn định mức chi trong hướng dẫn sử dụng kinh phí hoạt động phong trào TĐĐKXDĐSVH tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014.

+ Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 26/11/2011; Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013; Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 về công nhận danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”, cho phù hợp với giai đoạn hiện nay, nhất là việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Kiên Giang có 2 huyện đảo và có 8 xã đảo nằm ngoài biển khơi, có vị trí quan trọng trong vấn đề bảo vệ biển đảo, quốc phòng an ninh và phát triển kinh tế biển. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu có chương trình mục tiêu quốc gia đặc biệt về thiết chế văn hóa thể thao cho các xã đảo.

## **2.2. Về Du lịch:**

### **Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:**

- Luật Du lịch 2017 quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương. Nhìn chung, đây là một nhiệm vụ rất khó, vượt quá tầm thực hiện của cơ quan chuyên môn khi tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, kiến nghị Chính phủ nghiên cứu, ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư về du lịch để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cụ thể hóa

theo tình hình thực tế tại mỗi địa phương hoặc xây dựng đề cương hướng dẫn để các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Theo Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc; theo đó, người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài nhập cảnh, cư trú vào đảo Phú Quốc được miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày. Tuy nhiên, để mở rộng kết nối du lịch giữa các đảo và phát huy tốt hơn quyết định nêu trên, đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho người nước ngoài khi đến Phú Quốc (30 ngày) có thể di chuyển đến các đảo, quần đảo khác thuộc tỉnh Kiên Giang (Nam Du, Lại Sơn, Tiên Hải,...).

### **3. Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông:**

#### **Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:**

- Nghiên cứu ban hành thông tư quy định chi tiết quản lý hoạt động của các cơ quan đại diện, phóng viên thường trú của các báo chí Trung ương và báo ngành Trung ương cũng như báo chí các tỉnh bạn hoạt động ở các địa phương; quy định chi tiết quản lý hoạt động của đội ngũ cộng tác viên các cơ quan báo chí tại địa phương..., để thuận lợi hơn trong công tác quản lý nhà nước về báo chí tại địa phương.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra cũng như tăng cường năng lực cho các lực lượng tham gia phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trên mạng Internet. Trang bị phương tiện, thiết bị tác nghiệp, bỏ sung kinh phí, chế độ đặc thù cho lực lượng tham gia phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trên mạng Internet.

- Cần có sự phối hợp, thống nhất trong việc quản lý, kiểm soát tài khoản đăng tin, vu khống..., giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành có liên quan.

### **4. Về công tác tín ngưỡng, tôn giáo:**

#### **Đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ:**

- Nghiên cứu, hướng dẫn những nội dung khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai Luật và văn bản hướng dẫn thi hành để địa phương triển khai thực hiện thống nhất.

- Nghiên cứu các văn bản xử lý hành chính ở các lĩnh vực để hướng dẫn các địa phương thực hiện việc xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân, những người có tín ngưỡng và tổ chức cá nhân tôn giáo.

### **5. Về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em:**

- Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất Chính phủ sửa đổi Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ để trẻ em nhiễm HIV được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, vì theo quy định hiện tại chỉ có trẻ em nhiễm HIV thuộc hộ nghèo được hưởng chế độ. Tuy nhiên, trên thực

tế các đối tượng trẻ em nhiễm HIV không thuộc hộ nghèo nhưng rất khó khăn trong cuộc sống thì không được hưởng trợ cấp.


- Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung định mức chi hỗ trợ 01 lần trực tiếp cho đối tượng trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực tại Thông tư số 98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ Tài chính.

Trên đây là Báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện chính sách pháp luật trên các lĩnh vực Văn hóa, Giáo dục, Thông tin – Truyền thông, Tín ngưỡng – Tôn giáo, Thể thao, Du lịch, Thanh niên và Trẻ em và một số đề xuất, kiến nghị. Kính đề nghị Đoàn giám sát xem xét và cho ý kiến./. H2

**Nơi nhận:**

- Ủy ban VHGD TNTN&NĐ;
- Đoàn giám sát;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP và P. VHXH;
- Lưu: VT, tthuy (03b).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



The seal is circular with a five-pointed star in the center. The text around the star reads 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG'. There is a signature over the seal.

Đỗ Thanh Bình

KIÊN GIANG